

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08- 5 -2020
V/v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng V.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Bá Võ.

Ông Trần Đình Đường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1970. Có mặt.

Trú tại: Xóm T, xã V, huyện C, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Lsinh năm 1973. Vắng mặt.

Địa chỉ HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm T, xã V, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang sinh sống tại: Malaysia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L thì: Ông Nguyễn Hữu L và bà Phan Thị L kết hôn với nhau vào ngày 03 tháng 12 năm 1993, hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc với nhau, do kinh tế gia đình khó khăn, nên năm 2007 vợ chồng bàn bạc cho bà L đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Đến năm 2011

thì bà L có về nước một lần được khoảng 2 đến 3 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian bà L về nước, vợ chồng sống chung với nhau không hòa thuận. Tuy vợ chồng sống xa nhau lâu ngày mới trở về, nhưng tình cảm vợ chồng không được như trước, bà L đòi đi lao động tiếp tại Malaysia, nhưng ông L và các con cũng như gia đình bên nội không ai đồng tình, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai người thường xuyên xúc phạm, cãi nhau to tiếng, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông L góp ý thì bà L không nghe, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trong thời gian này bà L đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, nhưng Tòa án chưa kịp giải quyết thì bà L trốn bỏ con bỏ đi tiếp và từ đó thỉnh thoảng bà L có gọi điện về, nhưng những lần gọi điện cho nhau chỉ có cãi nhau và xúc phạm nhau mà thôi, sau một thời gian thì những lần gọi điện cứ thưa dần, đến năm 2014 thì bà L không còn gọi điện về cho ông L nữa. Cũng từ đó vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không xây dựng, vun vén cho hạnh phúc gia đình, kể từ khi bà L đi lại lần thứ hai (2011) đến nay bà L không quan tâm và có trách nhiệm với con chung của vợ chồng, các con không có sự chăm sóc, dạy bảo của người mẹ, ông L canh gà trồng nuôi con đã 12 năm nay, các con đã đến tuổi trưởng thành, nhưng học hành không đến nơi, đến chốn, công ăn việc làm không ổn định, cuộc sống hết sức vất vả. Ông L muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, muốn bà L trở về nước đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, con cái có sự dạy bảo, lo toan của người mẹ, nhưng bà L cố tình quay mặt đi, che giấu địa chỉ để nhằm giam hãm cuộc sống của bố con ông. Đến nay, ông không thể chấp nhận cuộc sống vợ chồng như vậy được nên đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Phan Thị L.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung tên là: Nguyễn Hữu H, sinh ngày 04/5/1995 và cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 27/5/1997. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, ở với ai thì tùy sự lựa chọn của các cháu. Ly hôn, ông Nguyễn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn bà Phan Thị L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản như: Đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Nguyễn Hữu L; thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho bà Phan Thị L thông qua bà Phan Thị V(chị gái

ruột của bà L), nhưng hiện tại bà Phan Thị L vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bà Phan Thị V(chị gái ruột của bà L) cung cấp địa chỉ, tin tức của chị L cho Tòa án nhưng bà V không cung cấp cũng không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị L biết, nên xác định là trường hợp cố tình dấu địa chỉ, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng thủ tục chung.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho ông Nguyễn Hữu L và bà Phan Thị L được ly hôn.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản, nợ: Ông Nguyễn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí, theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hữu L chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của bà Phan Thị L mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Qua xác minh tại chị gái của bà L là bà Phan Thị V thì bà V cho biết vẫn có liên hệ với bà L qua mạng xã hội Facebook. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của họ cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết. Vì vậy, Tòa án xác định đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Hữu L và bà Phan Thị L kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Nghệ An là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc với nhau đến thời điểm kinh tế gia đình khó khăn, năm 2007 vợ chồng bàn bạc cho bà L đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Đến năm 2011 thì bà L có về nước một lần được

khoảng 2 đến 3 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian bà L về nước, vợ chồng sống chung với nhau không hòa thuận, bà L đòi đi lao động tiếp tại Malaysia, nhưng ông L và các con cũng như gia đình bên nội không ai đồng tình, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hai người thường xuyên xúc phạm, cãi nhau to tiếng, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông L góp ý thì bà L không nghe, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, bà L trốn bỏ con bỏ đi tiếp và từ đó thỉnh thoảng bà L có gọi điện về, nhưng những lần gọi điện cho nhau chỉ có cãi nhau và xúc phạm nhau mà thôi, sau một thời gian thì những lần gọi điện cứ thưa dần. Đến năm 2014 thì bà L không còn gọi điện về cho ông L nữa. Cũng từ đó vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, kể từ khi bà L đi lại lần thứ hai (2011) đến nay bà L không quan tâm và có trách nhiệm với con chung của vợ chồng, các con không có sự chăm sóc, dạy bảo của người mẹ, ông L cảnh gà trống nuôi con đã 12 năm nay, các con đã đến tuổi trưởng thành, nhưng học hành không đến nơi, đến chốn, công ăn việc làm không ổn định, cuộc sống hết sức vất vả. Hiện nay, ông Nguyễn Hữu L thấy vợ chồng đã mâu thuẫn quá căng thẳng, bà L bỏ đi đã quá lâu, không liên lạc với chồng con, nên ông Nguyễn Hữu L đề nghị Tòa án cho ông được ly hôn với bà Phan Thị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông L và bà L đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho ông Nguyễn Hữu L và bà Phan Thị L được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Hữu L và bà Phan Thị L có 02 (hai) con chung tên là: Nguyễn Hữu H, sinh ngày 04/5/1995 và cháu Nguyễn Hữu H, sinh ngày 27/5/1997. Các con đã đủ tuổi trưởng thành, ở với ai thì tùy sự lựa chọn của các cháu. Ly hôn, ông Nguyễn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Xét thấy, hiện nay 02 con chung của vợ chồng đã đủ 18 tuổi trưởng thành, cho nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ: Ông Nguyễn Hữu L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Hữu L và bà Phan Thị L được ly hôn.

- Về con chung: Không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Ông Nguyễn Hữu L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An theo biên lai số AA/2018/0006601 ngày 08/5/2019.

- Ông Nguyễn Hữu L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Phan Thị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS h. Thanh Chương, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Võ Liệt, h. Thanh Chương;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thái Thị Hồng V

